

ĐỀ THI LÝ THUYẾT Y 5 2015

Thời gian 30 phút

1. Bệnh nhân hôn mê sau tai nạn giao thông, đang thở máy, kích thích đau mở mắt, đáp ứng đau không chính xác, có thang điểm Glasgow: 2 4

- A. 5
- B. 6
- ☒ C. 7
- D. 8
- E. 9

E2V1M4

2. Chỉ định chụp CT-Scan sọ não trong CTSN, điều nào sau đây không đúng:

- A. Bệnh nhân lơ mơ, nói nhảm ✓
- B. Chảy dịch trong ra mũi ✓
- C. Cò giật sau chấn thương ✓
- ☒ D. Chảy máu mũi
- E. Đau đầu nhiều và liên tục ✓

Tình huống lâm sàng (dùng cho câu 3 và 4):

Bệnh nhân nữ 24 tuổi được đưa vào bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận:

BN hôn mê GCS=6 điểm, đã đặt nội khí quản và đang bóp bóng giúp thở; đồng tử bên trái 5 mm, mất phản xạ ánh sáng; đồng tử phải 3 mm, còn đáp ứng với ánh sáng. Mạch: 60 lần/phút, HA: 140/90 mmHg. Sưng nề vùng đỉnh chẩm trái.

BN được chụp CTscan sọ não có kết quả như sau: máu tụ ngoài màng cứng cấp tính lượng nhiều vùng thái dương-đỉnh trái, đẩy lệch đường giữa sang phải 10 mm, xóa bề dịch não tủy quanh thân não.

3. Phương pháp điều trị đúng nhất:

- A. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
- ☒ B. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ
- C. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 24 giờ.
- D. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 2 giờ.
- E. Phẫu thuật sau 24 giờ.

Bệnh nhân này được phẫu thuật mở sọ lấy máu tụ. Sau mổ 4 giờ, thăm khám lại bệnh nhân ghi nhận: Bệnh nhân hôn mê, GCS=5 điểm. Đồng tử phải 5 mm, mất phản xạ ánh sáng; đồng tử trái 3 mm, còn phản xạ ánh sáng.

Mạch: 58 lần/phút, HA: 160/80 mmHg. **Dấu hiệu tăng ALNS**

4. Thái độ xử trí lúc này:

- A. Tiếp tục điều trị chống phù não
- B. Phẫu thuật lại
- ☒ C. Chụp CT-Scan sọ não khẩn xác định nguyên nhân rồi mới xử trí
- D. Theo dõi, đánh giá lại sau 4 giờ nữa
- E. Đặt hệ thống theo dõi áp lực nội sọ

Tình huống lâm sàng (dùng cho câu 5 & 6):

Bệnh nhân nam, 45 tuổi, được đưa đến bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân hôn mê, GCS=7 điểm, yếu 1/2 người trái, dẫn nhẹ đồng tử bên phải, sưng to vùng thái dương trái.

5. Chẩn đoán lâm sàng được nghĩ đến nhiều nhất trên bệnh nhân này:

- A. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương phải
- ☒ B. Chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu phải CT gây tổn thương đối bên
- C. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính thái dương trái
- D. Chấn thương sọ não, tụ máu dưới màng cứng cấp tính bán cầu trái

Theo Quyết định số: 32/2007/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 15/8/2007, để chẩn đoán 1 ca chết não cần dựa trên các tiêu chuẩn lâm sàng, thử nghiệm lâm sàng, cận lâm sàng và thời gian.

Tiêu chuẩn lâm sàng

Người bệnh rơi vào hôn mê sâu (thang điểm hôn mê Glasgow bằng 3 điểm); đồng tử cố định (đồng tử hai bên giãn trên 4 mm); đồng tử mất phản xạ với ánh sáng (ánh sáng đèn Pin); mất phản xạ giác mạc.

Bệnh nhân mất phản xạ ho khi kích thích phế quản (khi hút đờm, nghiệm pháp gây ho âm tính); không có phản xạ đầu - mắt: Mất phản xạ mắt búp bẻ; mắt không quay khi bơm 50 ml nước lạnh vào tai; Phản xạ mắt - tiền đình âm tính; mất khả năng tự thở khi bỏ máy thở; Nghiệm pháp ngừng thở dương tính.

E. Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng cấp tính tiểu não phải

6. Chỉ định cận lâm sàng hợp lý nhất trên bệnh nhân này:

- ☒ A. CT-Scanner sọ não không bơm thuốc cản quang.
- B. MRI sọ não
- C. XQ sọ
- D. CT-Scanner sọ não có bơm thuốc cản quang
- E. Chụp mạch máu não (Angiography)

(A)

7. Máu tụ ngoài màng cứng cấp tính do chấn thương sọ não, điều nào sau đây đúng:

- ☒ A. Thường kèm theo dập não
- B. Liên quan đến cơ chế chấn động dội
- ☒ C. Nứt sọ là nguyên nhân thường gặp
- D. Thường có máu trong DNT
- E. Do đứt các tĩnh mạch liên lạc

Dưới màng cứng

- Đứt tm

- Máu chảy vào DNT

- Do chấn thương dội

- Hay kèm dập não

(C)

Bệnh nhân nam 28 tuổi được đưa vào bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận: BN hôn mê GCS=4 điểm, đã đặt nội khí quản và đang bóp bóng giúp thở. Đồng tử hai bên 4 mm, phản xạ ánh sáng (-), (mất) phản xạ mắt búp bẻ. Mạch: 60 lần/phút, HA: 140/90 mmHg. Sưng nề vùng chẩm 2 bên. BN được chụp CT-Scanner sọ não có kết quả như sau: dập não kèm máu tụ trong não trán hai bên, phù não lan tỏa, xóa các bể dịch não tủy trước cầu não. Đã có dấu hiệu chết não, không mổ nữa

8. Phương pháp điều trị đúng nhất:

- ☒ A. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ trán hai bên lấy máu tụ và giải ép
- B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
- C. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 24 giờ.
- D. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 2 giờ.
- E. Phẫu thuật sau 24 giờ.

(A)

9. Sau một CTSN, có nước trong chảy ra từ mũi là do:

- ☒ A. Viêm xoang sau chấn thương
- B. Vỡ sán sọ trước
- C. Vỡ xương thái dương
- D. Tắc lệ đạo sau chấn thương
- E. Viêm mũi

(B)

Tình huống lâm sàng (dùng cho câu 10, 11):

Bệnh nhân nữ, 30 tuổi vào cấp cứu sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân lơ lơ, GCS=14 điểm, không dấu thần kinh khu trú, có vết thương da đầu khoảng 6cm ở vùng đỉnh trái phức tạp, thăm sát vết thương thấy có vỡ xương sọ bên dưới và một ít nhu mô não.

10. Chẩn đoán lâm sàng hợp lý trên bệnh nhân này:

- A. Vết thương sọ não
- B. Lún sọ hở
- ☒ C. Vết thương sọ não hở
- D. Chưa đủ dữ kiện lâm sàng để chẩn đoán xác định

(C)

11. Điều trị vết thương sọ não, chọn câu đúng:

- A. Khâu vết thương tại phòng cấp cứu, dùng kháng sinh và cho về nhà.
- B. Nhập viện, dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não
- C. Nhập viện theo dõi và phẫu thuật khi có biến chứng
- D. Nhập viện, dùng kháng sinh dự phòng và phẫu thuật sau 1 tuần.
- ☒ E. Nhập viện, phẫu thuật cấp cứu và dùng kháng sinh dự phòng viêm màng não.

(E)

12. Trong những n

- ☒ A. Abscess não
- B. Viêm màng não
- C. Nhiễm trùng h
- D. Viêm não thất
- E. Động kinh

13. Những nhận đ

- ☒ A. Khoảng 50%
- B. Động kinh ở r
- C. Việc điều trị
- D. Khối u não hi
- E. Hiện nay, tỉ l

nh hướng lâm sàng
hàm bác sĩ vì biểu
o cơn co giật đầu ti
m trở lại bình thườ
en phải

14. Chẩn đoán l

- ☒ A. Xuất huyết r
- B. U não
- C. Máu tụ dưới
- D. Túi phình m
- E. Abscess não

15. Các cận lâm

- ☒ A. Điện não đồ
- B. Điện não đồ
- C. MRI não
- D. CT-Scan n
- E. Điện não đ

16. Theo thang

- A. 12- 14
- B. 13 -15
- C. 9 - 12
- ☒ D. 3 - 8
- E. 9 -14

Tình huống lâm s

Bệnh nhân nam, 4
nhân hôn mê, GC
CTscan: khối má
cứng bán cầu ph

17. Chỉ định

- ☒ A. Phẫu thu
- B. Điều trị t
- C. Theo dõi
- ☒ D. Phẫu thu
- E. Phẫu thu

Bệnh cảnh lâm

12. Trong những ngày đầu, biến chứng thường gặp và nguy hiểm đối với bệnh nhân vết thương sọ não:

- A. Abscess não *Sau điều trị thì sợ Absces*
- ☒ B. Viêm màng não
- C. Nhiễm trùng huyết
- D. Viêm não thất
- E. Động kinh

(B)

13. Những nhận định sau đây về u não, chọn câu sai:

- A. Khoảng 50% khối u ở não là u di căn
- ☒ B. Động kinh ở người trưởng thành luôn là triệu chứng của khối u não
- C. Việc điều trị u não hiện nay là sự kết hợp của nhiều phương pháp: phẫu thuật, xạ trị, hóa trị
- D. Khối u não hiện nay được chẩn đoán sớm hơn nhờ sự áp dụng CT-Scanner, MRI rộng rãi
- E. Hiện nay, tỉ lệ khối u di căn ở não đang gia tăng do các bệnh nhân ung thư có thời gian sống còn lâu hơn

(B)

Tình huống lâm sàng (Dùng cho câu 14&15): Bệnh nhân nam, nghề nghiệp kỹ sư xây dựng, 44 tuổi đến khám bác sĩ vì biểu hiện tê ½ người phải. Qua khai thác bệnh sử và thăm khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân có cơn co giật đầu tiên cách nay khoảng 3 tháng, cơn kéo dài khoảng 2 phút và có mất ý thức trong cơn, sau cơn trở lại bình thường. Cơn tương tự xảy ra cách nay 1 tuần và sau khi tỉnh lại bệnh nhân thấy tê ½ người bên phải.

14. Chẩn đoán lâm sàng phù hợp nhất:

Động kinh cục bộ phức tạp toàn thể 'hoá'

MÁU TỤ NGOÀI MÀNG CỨNG

Chỉ định mổ:

1. Thể tích máu tụ $>30\text{cm}^3$
2. Bề dày máu tụ $>15\text{ mm}$, di lệch đường giữa $>5\text{ mm}$
3. Máu tụ hồ sau: xóa mất, đẩy lệch não thất 4

* Thời điểm phẫu thuật: *càng sớm càng tốt ngay sau khi có chẩn đoán*

* $V = a \times b \times c / 2 (\text{cm}^3)$

MÁU TỤ DƯỚI MÀNG CỨNG

Chỉ định mổ:

1. Bề dày máu tụ $>10\text{ mm}$, di lệch đường giữa $>5\text{ mm}$
2. Bề dày máu tụ $<10\text{ mm}$, di lệch đường giữa $>5\text{ mm}$, chỉ định phẫu thuật khi:

@ GCS \downarrow 2 điểm hoặc hơn từ lúc chấn thương đến lúc nhập viện

@ và hoặc đồng tử không đều hoặc giãn

@ và hoặc ICP $>20\text{ mm Hg}$

Tình huống lâm sàng:

Bệnh nhân nam, 45 tuổi, được đưa đến bệnh viện sau một tai nạn giao thông. Khám lâm sàng ghi nhận bệnh nhân hôn mê, GCS=7 điểm, yếu ½ người phải, dẫn rãnh đồng tử bên trái, sưng to vùng thái dương trái.

CTscan: khối máu tụ ngoài màng cứng trán-thái dương trái khoảng 40 gram kèm lớp máu tụ dưới màng cứng bán cầu phải bề dày $<5\text{ mm}$, đường giữa di lệch sang phải 7mm, xẹp não thất bên trái.

17. Chỉ định điều trị đúng nhất:

- ☒ A. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng
- B. Điều trị tại khoa hồi sức, cho thở máy, chống phù não, theo dõi tri giác và dấu thần kinh khu trú
- C. Theo dõi, chụp lại CT-Scanner sau 2 giờ
- ☒ D. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng
- E. Phẫu thuật cấp cứu: mở sọ lấy máu tụ ngoài màng cứng bên trái và máu tụ dưới màng cứng bên phải

(?)

Bệnh cảnh lâm sàng (Câu 17- 20)

Câu này, nếu LS có thể mổ lấy máu tụ NMC trước, ko đóng nắp sọ. Hậu phẫu theo dõi tiếp, nếu có diễn biến khác thì chụp lại, cần thiết mổ đối bên lấy máu tụ DMC sau.

ban đầu trái.

Bệnh nhân nhập viện do bị một vết thương dao cắt ở 1/3 dưới mặt trước cẳng tay bên phải.

Khám lâm sàng: - Giảm cảm giác từ ngón I đến 1/2 ngón IV lòng bàn tay

- Không thực hiện được động tác đối ngón cái với các ngón còn lại.

- Các chức năng còn lại của bàn tay trong giới hạn bình thường

18. Với bệnh cảnh này dây thần kinh nào có thể bị tổn thương:

- A. Dây thần kinh quay
- B. Dây thần kinh giữa
- C. Dây thần kinh trụ
- D. Dây thần kinh bị cẳng tay trong
- E. Dây thần kinh gian cốt trước

Cảm giác 3,5 ngón
- Đối ngón cái.

(B)

19. Cận lâm sàng nào nên được thực hiện cấp cứu trong trường hợp này

- A. Đo điện cơ cấp cứu
- B. Cộng hưởng từ khảo sát dây thần kinh
- C. X-quang xương cẳng tay
- D. Siêu âm Doppler khảo sát động mạch bên phải.
- E. Tất cả câu trên đều sai

(?) XQ + điện cơ.

(A)

20. Hướng xử trí cấp cứu trên bệnh nhân này:

tiếp tục hỏi

- A. Thăm sát vết thương nếu tổn thương dây thần kinh bản phần thì chỉ may da cầm máu và theo dõi lâm sàng, điện cơ sau đó.
- B. Nếu tổn thương cắt đứt dây thần kinh với vết thương cắt gọn thì tiến hành nối thần kinh tận tận.
- C. Nếu vết thương cắt đứt dây thần kinh mà bầm dập nhiều thì tiến hành đóng vết thương và phẫu thuật thì lại sau 3 tuần.

(E) Tất cả 3 câu trên đều đúng.

E. Tất cả 3 câu trên đều sai.

Bệnh cảnh lâm sàng (câu 21-23)

Bệnh nhân sau một đêm ngủ dậy thấy yếu tay trái nên nhập viện khám.

Lâm sàng: không duỗi bàn tay cũng như các đốt ngón gần nhất. Không duỗi và dạng ngón tay cái. Không ngửa bàn tay được. Giảm cảm giác nửa ngoài mu bàn tay và ngón cái. Bàn tay ở tư thế giống cổ cò. Các chức năng khác của bàn tay bình thường

21. Dây thần kinh trên bệnh nhân này có khả năng tổn thương nhiều nhất là:

- A. Dây thần kinh quay
- B. Dây thần kinh giữa
- C. Dây thần kinh trụ
- D. Dây thần kinh bị cẳng tay trong
- E. Dây thần kinh gian cốt trước

gập bàn tay do không duỗi được

(A)

22. Cận lâm sàng nào cần thiết nhất nên được thực hiện trong trường hợp này

- A. Đo điện cơ hai tay.
- B. Cộng hưởng từ khảo sát dây thần kinh.
- C. X-quang xương cánh tay.
- D. Siêu âm khảo sát động mạch bên tay trái.
- E. Cộng hưởng từ khảo sát cột sống cổ.

(A)

23. Thái độ xử trí trên bệnh nhân này:

- A. Không cần xử trí gì chỉ theo dõi.
- B. Tùy theo kết quả cận lâm sàng đánh giá mức độ tổn thương thần kinh sẽ cho hướng điều trị phù hợp.
- C. Nếu tổn thương thần kinh là neurapraxia thì cần phẫu thuật sớm giải ép thần kinh.
- D. Nếu tổn thương là Axonotmesis thì cần phẫu thuật sớm giải ép thần kinh
- E. Nếu tổn thương là Neurotmesis thì chỉ cần điều trị nội và theo dõi đánh giá lại sau vài tuần.

Bệnh cảnh lâm sàng: (câu 24-28)

Neurapraxia

Bệnh nhân nam, 23 tuổi, bị té từ độ cao 5m chông hai gót chân khi tiếp đất, sau té bệnh nhân đau lưng nhiều và yếu 2 chân nên được sơ cứu tại bệnh viện huyện và chuyển lên bệnh viện tuyến trên.

(B)

Neurapraxia → vài tuần
+ Axonotmesis → vài tháng
+ Neurotmesis → PT + T/d điện cơ.

Yếu hai chân s

phương quang

24. Phương pháp s

Vác bệnh nhân ra k

Cần nhiều người di

Có thể đặt bệnh nh

Nên đặt hai túi cát

Có thể lăn tròn ben

25. Với cơ chế ch

Chấn thương xươ

Chấn thương các t

Chấn thương tạng

A + B đúng

A + C đúng

26. Vị trí thương

D 7

D10

L1

L5

Tất cả đều sai

27. 10. Phân loa

A 0/5

B 1/5

C 2-3/5

D 4/5

E

28. Cận lâm sà

X-quang cột sô

B. Ctscan cột sống

C. MRI cột sống ở

D. A + B đều đúng

E. A + C đều đúng

Bệnh cảnh lâm s

Hình ảnh cận lâm

ong sống gây chèn

29. Theo phâ

A. Gãy lùn thân

B. Gãy vỡ thân

C. Gãy trật

D. Gãy kiểu dây

E. Tất cả câu trê

30. Với hình

A. Nhập khoa ng

B. Phẫu thuật c

C. Phẫu thuật c

D. Nhập nội th

E. Tất cả đều sa

Chọn một câu

31. Độ tuổi

A. Trẻ

B. Ng

chống gót.

T10?

Khám yếu hai chân sức cơ 2/5, tê bì từ ngang rốn trở xuống. Đã được đặt sonde tiểu tại tuyến huyền do cổ cầu bàng quang.

24. Phương pháp sơ cứu thích hợp nhất trên bệnh nhân này tại hiện trường (chọn câu sai):

- A. Vác bệnh nhân ra khỏi hiện trường và đưa tới bệnh viện cầm sớm càng tốt.
- B. Cần nhiều người di chuyển bệnh nhân thành một khối ra khỏi hiện trường.
- C. Có thể đặt bệnh nhân trên tấm ván để cố định bệnh nhân.
- D. Nên đặt hai túi cát ở 2 bên đầu để cố định cột sống cổ.
- E. Có thể lăn tròn bệnh nhân thành một khối khi di chuyển.

25. Với cơ chế chấn thương như vậy các thương tổn thường gặp trên bệnh nhân này là:

- A. Chấn thương xương gót, xương đùi, cột sống lưng
- B. Chấn thương các tạng đặc như gan, lách thận.
- C. Chấn thương tạng rỗng.
- D. A + B đúng
- E. A + C đúng

26. Vị trí thương tổn cột sống trên bệnh nhân này ở mức khoảng:

- A. D7
- B. D10
- C. L1
- D. L5
- E. Tất cả đều sai

27. 10. Phân loại Frankel trên bệnh nhân này.

- A. A 0/5
- B. B 1/5
- C. C 2-3/5
- D. D 4/5
- E. E

28. Cận lâm sàng nên được thực hiện trên bệnh nhân này tại cấp cứu:

- A. X-quang cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng.
- B. Ctscan cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng.
- C. MRI cột sống ở vị trí thương tổn thẳng, nghiêng.
- D. A + B đều đúng
- E. A + C đều đúng

Bệnh cảnh lâm sàng tiếp theo: (câu 29-30)

Hình ảnh cận lâm sàng trên bệnh nhân này cho thấy có vỡ toàn bộ thân đốt sống và có mảnh rời chèn vào ống sống gây chèn ép vào bao màng cứng của tủy gây hẹp >50% đường kính ống sống.

29. Theo phân loại của Denis đây là loại gãy gì:

- A. Gãy lún thân
- B. Gãy vỡ thân
- C. Gãy trật
- D. Gãy kiểu dây đai
- E. Tất cả câu trên đều sai.

30. Với hình ảnh cận lâm sàng này thì hướng điều trị tốt nhất cho bệnh nhân là:

- A. Nhập khoa ngoại thần kinh theo dõi và điều trị nội
- B. Phẫu thuật cấp cứu giải ép ống sống.
- C. Phẫu thuật cấp cứu giải ép ống sống và nẹp vis cố định cột sống.
- D. Nhập nội thần kinh điều trị nội và tập vật lý trị liệu.
- E. Tất cả đều sai

Chọn một câu trả lời đúng nhất

31. Độ tuổi thường gặp của xuất huyết dưới nhện tự phát:

- A. Trẻ em
- B. Người già

- C. Trưởng thành
 D. Trung niên xoay quanh 50 tuổi
32. Xác định vị trí giải phẫu xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Có máu trong khoang dưới nhện
 B. Có máu trong khoang dưới màng cứng
 C. Có máu trong các bể nền
 D. Có máu trong các rãnh võ não
33. Triệu chứng cơ năng có giá trị gợi ý xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Đau đầu dữ dội
 B. Cứng cổ
 C. Đau đầu khởi phát đột ngột và dữ dội
 D. Mất ý thức
34. Dấu hiệu thực thể có giá trị gợi ý xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Yếu nửa người
 B. Liệt các dây sọ
 C. Thay đổi tri giác
 D. Đau cổ gượng
35. Bảng phân độ bệnh nhân xuất huyết dưới nhện tự phát theo Hunt-Hess hoặc WFNS có giá trị
 A. Tiên lượng bệnh nhân
 B. Giúp lựa chọn điều trị thích hợp
 C. Giúp theo dõi bệnh nhân tốt hơn
 D. Tiên lượng bệnh nhân và lên kế hoạch điều trị phù hợp
36. Nguyên nhân thường gặp của xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Do vỡ túi phình động mạch não
 B. Do tăng huyết áp
 C. Do vỡ dị dạng mạch máu não
 D. Do viêm thành mạch máu
37. Sinh lý bệnh xuất huyết dưới nhện tự phát gây hại cho bệnh nhân là
 A. Dẫn đến kết quả thiếu máu não
 B. Dẫn đến tăng áp lực nội sọ
 C. Dẫn đến giãn não thất
 D. Dẫn đến co mạch não
38. Xét nghiệm có giá trị xác định xuất huyết dưới nhện tự phát trong giai đoạn sớm
 A. CT scan sọ không cản quang
 B. CT scan sọ có cản quang
 C. MRI sọ não
 D. Chọc dò dịch não tủy
39. Xét nghiệm giúp chẩn đoán xuất huyết dưới nhện trong giai đoạn muộn
 A. Chọc dò dịch não tủy
 B. Chụp MRI sọ não
 C. Không có xét nghiệm có giá trị
 D. Câu A và B đều đúng
40. Xét nghiệm có giá trị chẩn đoán nguyên nhân xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. CT tái tạo mạch máu não
 B. Chụp mạch máu kỹ thuật số xoắn nền
 C. Chụp hình MRA
 D. Tất cả các xét nghiệm trên
41. Nguyên nhân tử vong chính trong giai đoạn sớm sau xuất huyết dưới nhện tự phát
 A. Tái xuất huyết
 B. Giãn não thất
 C. Co thắt mạch

Liệt dây III

Handbook page 1162

thuốc nha.

CTa Dsa

- D. Nhồi máu não
 42. Nguyên nhân chính g
 A. Co thắt mạch
 B. Rối loạn điện giải
 C. Giãn não thất
 D. Viêm phổi
 43. Nguyên tắc điều trị t
 A. Loại bỏ túi phình
 B. Loại bỏ nguy cơ
 C. Loại bỏ túi phình
 D. Loại bỏ túi phình
 44. Điều trị nội khoa tr
 A. Nhâm hàn chế r
 B. Chống co thắt r
 C. Phòng ngừa độ
 D. Điều trị tăng ki
 45. Điều trị túi phình c
 A. Cần có sự phối
 B. Can thiệp nội t
 C. Điều trị phẫu t
 D. Tất cả các câu
 46. Điều trị can thiệp
 A. Tình trạng lâm
 B. Không có khê
 C. Túi phình tuầ
 D. Tất cả các yê
 47. Biến chứng muộn
 A. Co thắt mạch
 B. Giãn não thấ
 C. Động kinh
 D. Tất cả các cấ
 48. Những yếu tố th
 A. Xuất huyết c
 B. Tình trạng l
 C. Cả hai câu t
 D. Hai câu trên
 49. Điều trị nội kh
 A. Nimodipin
 B. Nimodipin
 C. Tăng truyền
 D. A và B đư
 50. Đầu nước. Cho
 A. Triệu chứn
 B. Gây dẫn rộ
 C. Có thể diễ
 D. Triệu chứn
 E. Câu B, C
 51. Bệnh đầu nướ
 A. Thường c
 B. Không liê
 C. Đầu to là
 D. Tiến triển

- D. Nhồi máu não
42. Nguyên nhân chính gây tàn tật trong giai đoạn muộn của xuất huyết dưới nhện tự phát
- ☒ A. Co thắt mạch *→ Thiếu máu não*
- B. Rối loạn điện giải
- C. Giãn não thất
- D. Viêm phổi

43. Nguyên tắc điều trị tủy phình trong xuất huyết dưới nhện tự phát
- A. Loại bỏ tủy phình hoàn toàn và bền vững?
- ☒ B. Loại bỏ nguy cơ tái xuất huyết
- C. Loại bỏ tủy phình bằng can thiệp nội mạch X
- D. Loại bỏ tủy phình bằng phẫu thuật mở sọ kẹp tủy phình X

44. Điều trị nội khoa trong giai đoạn đầu sau xuất huyết dưới nhện tự phát

☒ A. Nhắm hạn chế nguy cơ tái vỡ

B. Chống co thắt mạch

C. Phòng ngừa động kinh

D. Điều trị tăng khả năng đông cầm máu

45. Điều trị tủy phình động mạch não gây xuất huyết dưới nhện

A. Cần có sự phối hợp can thiệp nội mạch và phẫu thuật thần kinh ✓

B. Can thiệp nội mạch được ưu tiên lựa chọn ✓

C. Điều trị phẫu thuật được ưu tiên lựa chọn một số vị trí ✓

☒ D. Tất cả các câu đều đúng

46. Điều trị can thiệp nội mạch trong xuất huyết dưới nhện do vỡ tủy phình được ưu tiên

A. Tình trạng lâm sàng nặng

B. Không có khối choáng chỗ phổi hợp

☒ C. Tủy phình tuần hoàn sau

☒ D. Tất cả các yếu tố trên

47. Biểu chứng muộn của xuất huyết dưới nhện

A. Co thắt mạch 20-36% *→ thiếu máu não*

B. Giãn não thất muộn 9-48%.

C. Động kinh 26%.

☒ D. Tất cả các câu trên

48. Những yếu tố thuận lợi co thắt mạch trong xuất huyết dưới nhện

A. Xuất huyết dưới nhện nhiều ✓

B. Tình trạng lâm sàng nặng ✓

☒ C. Cả hai câu trên đều đúng

D. Hai câu trên đều đúng

49. Điều trị nội khoa trong co thắt mạch

A. Nimodipine có vai trò trong phòng ngừa co thắt mạch

☒ B. Nimodipine cải thiện tiên lượng thần kinh

C. Tăng truyền dịch

☒ D. A và B đúng

50. Đau nước. Chọn câu sai:

☒ A. Triệu chứng lâm sàng thường không đặc hiệu và khó chẩn đoán

B. Gây giãn rộng não thất và tăng áp lực nội sọ

C. Có thể diễn tiến cấp tính gây tử vong

D. Triệu chứng có thể khác nhau ở trẻ nhỏ và trẻ lớn

E. Câu B, C đúng

51. Bệnh đau nước trẻ em.

A. Thường chỉ phát hiện được sau sanh

B. Không liên quan yếu tố di truyền

C. Đau to là dấu hiệu đặc hiệu nhất

☒ D. Tiến triển bệnh thay đổi theo thời gian

+ cải thiện tiên lượng TK
+ giúp điều trị co thắt mạch.

(Mau trộm Fisher ↑
Hunt+Hen ↑)

- E. Chỉ cần chẩn đoán và điều trị nguyên nhân là đạt hiệu quả
52. Cơ chế bệnh đầu nước. Chọn câu sai: u tủy?
- ☐ A. Do tăng tiết quá mức dịch não tủy (DNT)
 - ☒ B. Do u tủy gây tắc nghẽn lưu thông
 - ☐ C. Tình trạng kém hấp thu DNT thường gặp sau viêm màng não, xuất huyết dưới nhện
 - ☐ D. U đám rối mạch mạc thường gây đầu nước thông thường
 - ☐ E. Sự cân bằng giữa hấp thu, bài tiết DNT là tương đối
53. Liên quan đến bệnh đầu nước: gila
- A. Phát hiện dễ ở 3 tháng đầu thai kì bằng siêu âm 3, 4 chiều
 - B. Yếu tố nguy cơ: mẹ bị tiểu đường, cao huyết áp, tiền sản giật
 - C. Đa số trẻ bị chậm phát triển trí tuệ dù có điều trị tích cực
 - ☒ D. Cho đến ngày nay VP shunt vẫn là phương pháp điều trị phổ biến
 - E. Nên khuyến cáo chấm dứt sớm thai kì ngay khi phát hiện
54. Điều trị bệnh đầu nước. Chọn câu sai:
- A. Tùy thuộc vào nguyên nhân
 - B. Tùy thuộc vào diễn tiến bệnh
 - ☒ C. Phẫu thuật nội soi mở thông sản não thất III rất hiệu quả trong bệnh đầu nước tắc nghẽn
 - ☒ D. Điều trị nội khoa ít quan trọng
 - E. Không cần điều trị do DNT sẽ tái lưu thông sau khi loại bỏ được nguyên nhân gây tắc nghẽn
55. Đặc điểm thoát vị tủy - màng tủy. Chọn câu sai:
- ☒ A. Thường phát hiện rõ sau sinh từ 6 tháng tuổi
 - B. Gặp ở vùng thắt lưng - cùng
 - C. Có thể dò dịch não tủy
 - D. Có liên quan đến acid folic
 - E. Dễ nhiễm trùng nếu không can thiệp
56. Di tật cột sống chẻ đôi:
- ☒ A. Do sự khép ống thần kinh không hoàn toàn
 - B. Xảy ra từ tuần 13 - 15 phôi thai
 - C. Phân biệt dị tật kín hay hở dựa vào [thành phần trong khối thoát vị]
 - D. Câu A, B đúng
 - E. Câu A, C đúng
57. Di tật cột sống chẻ đôi kín:
- A. Bao gồm: thoát vị tủy - màng tủy - mỡ, xoang bì, nang thần kinh - ruột ...
 - B. Thường phát hiện trẻ hơn dị tật hở
 - C. Đôi khi có biến chứng nhiễm trùng
 - D. Câu A, B đúng
 - ☒ E. Câu A, B, C đúng
58. Biểu hiện ngoại da ở vùng cột sống bị dị tật chẻ đôi. Chọn câu sai:
- A. Khối u mỡ trên đường cột sống bị dị tật chẻ đôi. Chọn câu sai:
 - B. Rậm lông
 - C. Ấn lõm hình đồng tiền
 - D. Bướu máu
 - ☒ E. Ấn lõm vùng cùng cụt, giữa rãnh gian mông
59. Tầm soát dị tật ống thần kinh:
- A. Thực hiện trong 3 tháng đầu thai kì
 - ☒ B. Các xét nghiệm: siêu âm thai, AFP, chọc ối
 - C. Luôn được khuyến cáo phá thai khi có chẩn đoán dương tính
 - D. Có thể bỏ sót 30 - 50% trường hợp
 - E. Tất cả đúng
60. Trong dị tật cột sống chẻ đôi, các trường hợp sau đây cần được xem xét mổ khẩn:
- A. Thoát vị tủy - màng tủy hở
 - B. Thoát vị màng tủy mà màu sắc da trên khối thoát vị trở nên dần mông, hoại tử
 - C. Nang xoang bì chưa có biểu hiện nhiễm trùng
 - D. Câu A, B đúng
 - ☒ E. Cả 3 câu đều đúng

1. Bệnh nhũ
điểm Glasgo

A. 7

B. 8

C. 9

D. 10

E. 11

2. Chi định

A. B

B. S

C. C

D. C

E. E

Tình huống

Bệnh nhũ

nhân hỗn

3. Chẩn đ

A.

B.

C.

D.

E.

4. Chi đ

A

B

C

D

E

5. Bệnh

vào bệ

cách n

sàng đ